TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01**/2022/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 22 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và Công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Út Lệ

Thư ký phiên họp: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên họp: Bà Tô Thị Tấm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-VDS, ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Phùng Văn L, sinh ngày 08/10/1985. Vắng mặt có lý do.

Chị Hoàng Thu H, sinh ngày 28/02/1984. Có mặt.

Cùng có nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn - Địa chỉ: Khu C, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Trung N - Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Văn bản ủy quyền số: 01/GUQ-UBND, ngày 07/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn). Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, biên bản lấy lời khai, anh Phùng Văn L trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng Thu H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 01/3/2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 001). Trước khi kết hôn, anh và chị H được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Khi làm thủ tục đăng

ký kết hôn, cán bộ xã không yêu cầu anh chị xuất trình chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu. Khi đó, anh chưa đủ tuổi kết hôn nên đã kê khai tăng tuổi lên để được đăng ký kết hôn. Anh đã khai tại UBND xã T anh sinh ngày 01/02/1984. Căn cứ vào lời trình bày của anh, UBND xã T đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh L, chị H. Quá trình chung sống, vợ chồng anh hạnh phúc, có con chung và tài sản chung.

Gần đây khi gia đình anh chị thực hiện một số thủ tục hành chính thì các cơ quan Nhà nước phát hiện ra ngày tháng năm sinh của anh ghi trong căn cước công dân, sổ hộ khẩu không trùng khớp với trong giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy, anh chị gặp vướng mắc trong khi làm các thủ tục hành chính. Anh nhận thấy việc đăng ký kết hôn khi chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật. Anh L thừa nhận các giấy tờ tùy thân của anh như: Giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu hiện tại của anh đều ghi ngày tháng năm sinh là 08/10/1985. Do vậy, anh và chị H cùng thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận anh và chị H là vợ chồng tại thời điểm anh đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thu H thống nhất với lời trình bày của anh L về thủ tục và điều kiện kết hôn như trên. Chị nhận thấy, việc kết hôn với anh L khi anh L chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật. Do đó, chị đồng ý với ý kiến của anh L về việc hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị công nhận chị và anh L là vợ chồng tại thời điểm anh L đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND xã T trình bày: Căn cứ vào sổ đăng ký kết hôn số 01/2000/TP/HT-1999-B của xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thể hiện tại thời điểm đăng ký kết hôn năm 2004, anh Phùng Văn L, sinh ngày 01/02/1984, không phải ngày 08/10/1985. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh L đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị H, anh L kết hôn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Việc đăng ký kết hôn được tiến hành tại UBND xã T. Việc kết hôn giữa anh L, chị H đảm bảo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh L cung cấp năm sinh là 1985, đối chiếu với thời điểm đăng ký kết hôn là 2004 thì anh L chưa đủ tuổi kết hôn. Chị Hoàng Thu H, anh Phùng Văn L đều có đơn đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ vợ chồng kể từ thời điểm anh L đủ tuổi kết hôn. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi cho anh L, chị H. Đại diện UBND xã T đề nghị giải quyết vắng mặt tại các hoạt động tố tụng của Tòa án.

Tại phiên họp, chị H thừa nhận việc kết hôn khi anh L chưa đủ tuổi là vi phạm pháp luật và cùng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị H tại thời điểm anh L đủ tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người yêu cầu, anh Phùng Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, giữ nguyên toàn bộ ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng giải quyết việc dân sự, thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H; Công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H kể từ ngày 09/10/2004. Anh L, chị H phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 001 năm 2004 của UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Anh L, chị H có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị H. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc anh L, chị H yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. Anh Phùng Văn L là người yêu cầu, UBND xã T, huyện N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục mở phiên họp theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H kết hôn do tự nguyện. Anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 01/3/2004.

Khi anh chị đến UBND xã T làm thủ tục đăng ký kết hôn, cán bộ thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn không yêu cầu anh chị xuất trình giấy chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu. Biết do chưa đủ tuổi kết hôn nên anh L đã khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn. Theo Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, anh L sinh ngày 08/10/1985 nhưng khi đăng ký kết hôn anh khai sinh ngày 01/02/1984. Do không kiểm tra, xác minh nên UBND xã T đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 001 ngày 01/3/2004 cho anh L, chị H. Như vậy, thực tế tính đến thời điểm đăng ký

kết hôn anh L chưa đến 20 tuổi. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 *"Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên"* thì tại thời điểm đăng ký kết hôn anh L chưa đủ tuổi kết hôn.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H. Đồng thời, tại phiên họp anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H đều có yêu cầu được công nhận quan hệ hôn nhân tại thời điểm anh L đủ điều kiện kết hôn.

Xét yêu cầu của anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H thấy rằng: Anh L, chị H hiện đang sống chung hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và anh L, chị H đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh L, chị H. Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H kể từ ngày 09/10/2004 khi anh Phùng Văn L đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn phù hợp với nhận định của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn nên được chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H (Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 001 đăng ký năm 2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp).

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H kể từ ngày 09/10/2004.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000293, ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Anh Phùng Văn L và chị Hoàng Thu H đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện N (khi QĐ có hiệu lực pháp luật);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ